

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/HNGĐ-ST
Ngày 10-10-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Ngọc Thắm.
2. Ông Nguyễn Quốc Thông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 08 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1969 (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng Ph, sinh năm 1969 (có đơn xin vắng mặt).

Hai đương sự cùng địa chỉ cư trú: Khóm 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 08 năm 2018 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Đ trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Do mai mối vào năm 1993 bà Đ và ông Nguyễn Hoàng Ph thành hôn, có tổ chức đám cưới gả theo phong tục địa phương, đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V (Nay là huyện H), tỉnh Bạc Liêu, giấy kết hôn ông Ph giữ và bị thất lạc mất.

Khi thành hôn chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không có con nên ông Ph bỏ nhà đi và vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó đến nay. Quá trình sống ly thân cũng không có gặp nhau để

hàn gắn hôn nhân, vì ông Ph có người phụ nữ bên ngoài. Nay hết tình cảm nên xin ly hôn.

Con chung chưa có.

Tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph trình bày ý kiến:

Năm 1993 ông Ph và bà Đ tìm hiểu và kết hôn, được cha mẹ đồng ý tổ chức đám cưới gả theo phong tục địa Ph, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V (Nay là huyện H), tỉnh Bạc Liêu, hiện nay giấy kết hôn đã thất lạc.

Do không hợp nhau nên xảy ra mâu thuẫn, năm 2005 ông bà thỏa thuận sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân cũng không giải quyết được mâu thuẫn, nay bà Đ yêu cầu ly hôn ông Ph đồng ý, vì hết tình cảm.

Về con chung: Chưa có.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn bảo lưu ý kiến xin ly hôn, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị. Về nội dung vụ án: Do phía bà Đ, ông Ph không chứng minh được là có đăng ký kết hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đ, ông Ph.

Bị đơn vắng nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph có yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự là phù hợp với pháp luật, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Do mai mối, bà Nguyễn Hồng Đ và ông Nguyễn Hoàng Ph thành hôn với nhau vào năm 1993, được cha mẹ đôi bên đồng ý tổ chức đám cưới gả theo phong tục địa phương; theo trình bày của hai đương sự thì đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V (huyện H), tỉnh Bạc Liêu. Do giấy chứng nhận kết hôn đã thất lạc nên ông bà không cung cấp được cho Tòa án. Bà Đ cung cấp giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu xác nhận là vào năm 2001 bà Đ và ông Ph có đăng ký kết hôn, hiện nay sổ lưu kết hôn đã thất lạc. Tòa án có văn bản gửi Ủy ban nhân dân xã đề nghị giải thích, căn cứ vào cơ sở pháp lý nào mà Ủy ban nhân dân xã xác nhận là có đăng ký

kết hôn trong khi sổ lưu không còn, nhưng Ủy ban nhân dân xã V không có văn bản trả lời cho Tòa án, hiện tại đương sự cũng không chứng minh được là có đăng ký kết hôn.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Do các đương sự không chứng minh được là có đăng ký kết hôn nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được.

Quá trình chung sống ông bà có những bất hòa không hàn gắn được, nên sống ly thân từ năm 2005 đến nay. Trong thời gian sống ly thân ông bà cũng không có biện pháp hàn gắn hôn nhân. Bà Đ yêu cầu ly hôn, ông Ph đồng ý vì cho rằng hết tình cảm với nhau. Tại phiên tòa bà Đ vẫn bảo lưu yêu cầu ly hôn, không đồng ý rút đơn ly hôn. Xét thấy, bà Đ và ông Ph chung sống với nhau không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của bà Đ và ông Ph không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chưa có.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng bà Đ phải chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ý kiến của Kiểm sát viên có căn cứ được chấp nhận toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Hồng Đ và ông Nguyễn Hoàng Ph.

2. Về con chung: Chưa có.

3. Về chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng bà Đ phải chịu, bà Đ có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0016046 ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính